

Bản án số: 02/2018/DS-ST
Ngày 07 tháng 02 năm 2018
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Lâm
2. Ông Đỗ Minh Thân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Chiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nhân Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 16/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Q - Sinh năm: 1967

Địa chỉ: Khu 11, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

(Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1928

Địa chỉ: Khu 10, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

(Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Trần Thị Vân A - Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Khu 7, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Chị Trần Thị Hồng P - Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Khu 11, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Chị Trần Thị H1 - Sinh năm: 1995

Địa chỉ: Khu 1, xã B, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Cháu Trần Thị Thu Tr - Sinh năm: 2005

Địa chỉ: Khu 11, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện cho cháu Tr: Chị Trần Thị H - Sinh năm: 1995

(Chị A, chị P và cháu Tr ủy quyền cho chị Trần Thị H1. Theo giấy ủy quyền ngày 25/12/2017) (Có mặt).

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: Số 2 L, quận B, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc T - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Thọ (Theo giấy ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên và giấy ủy quyền số 739/UQ-GĐ ngày 27/12/2017 của Giám đốc chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Thọ)

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo và tại phiên toà, nguyên đơn chị Trần Thị Q trình bày:

Chị và anh Trần Văn H2 đăng ký kết hôn ngày 27/5/1989 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Chị và anh H2 sinh được 04 người con gồm: Trần Thị Vân A, Trần Thị Hồng P, Trần Thị H1 và Trần Thị Thu Tr. Ngoài những người con này, vợ chồng chị không nhận nuôi người con nuôi nào. Bố mẹ đẻ anh H2 là ông Trần Phương R - Sinh năm: 1930, chết năm 1987 và bà Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1928 hiện đang sinh sống tại khu 10, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Ngày 16/11/2015, vợ chồng chị có gửi tiết kiệm 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Thọ. Số tiền này gửi bằng hai sổ tiết kiệm, một sổ số AA00001994544, một sổ số AA00001994545, mỗi sổ gửi 50.000.000đ. Hai sổ tiết kiệm này đều đứng tên người gửi là Trần Văn H2. Từ ngày vợ chồng chị gửi tiền tiết kiệm đến nay, chưa rút khoản tiền nào nên số tiền lãi của hai sổ tiết kiệm trên số tiền gốc tính đến ngày xét xử (07/02/2018) là 12.968.000đ (Mười hai triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Tổng cả gốc và lãi là: 112. 968.000đ (Một trăm mười hai triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Ngày 23/11/2015, anh Trần Văn H2 chết, chị đã chi phí cấp cứu cho anh H2 hết 5.000.000đ (Năm triệu đồng); Mai táng phí hết 10.000.000đ (Mười triệu

đồng). Tổng số tiền chị đã chi phí là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Trước khi chết, anh H2 không để lại di chúc để định đoạt tài sản gì và không vay nợ ai. Chị đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của anh H2 là số tiền 50.000.000đ trong tổng số tiền 100.000.000đ và tiền lãi phát sinh mà vợ chồng chị đã gửi tiết kiệm tại Ngân hàng kể từ ngày gửi đến nay theo quy định pháp luật. Chị đề nghị được thanh toán số tiền 15.000.000đ chị đã chi phí cấp cứu và mai táng phí cho anh H2. Chị đề nghị được đại diện cho những người được hưởng thừa kế số tiền này của anh H2 đến Ngân hàng làm thủ tục và rút toàn bộ số tiền này sau đó về thanh toán tiền cho những người được hưởng thừa kế di sản của anh H2.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà không đến Tòa án làm việc nên không tiến hành hòa giải được và không có bản tự khai của bà H. Do đó Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà H. Nội dung bà H khai như sau:

Anh Trần Văn H2 là con trai ruột của bà, năm 1989 anh H2 và chị Q kết hôn với nhau sinh được 4 người con gồm: Trần Thị Vân A, Trần Thị Hồng P, Trần Thị H1 và Trần Thị Thu Tr. Ngoài những người con này, vợ chồng anh H2, chị Q không nhận nuôi người con nuôi nào. Chồng bà là ông Trần Phương R - Sinh năm: 1930, chết ngày: 28/4/1987. Anh Trần Văn H2 - Sinh năm: 1966, chết ngày 23/11/2015. Quá trình vợ chồng anh H2 chị Q chung sống, có gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng như thế nào thì bà không biết. Nay chị Q khởi kiện chia di sản thừa kế là số tiền anh H2 gửi tiết kiệm tại Ngân hàng, quan điểm của bà là đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật; Bà không có công sức đóng góp vào số tiền anh H2 gửi tiết kiệm tại Ngân hàng, bà đồng ý ủy quyền cho chị Q là người đại diện cho hàng thừa kế đến Ngân hàng rút khoản tiền này.

Hiện nay giữa bà và chị Q đang mâu thuẫn nên không còn tình cảm mẹ con, chị Q muốn làm gì thì tùy. Bà chỉ khai cho Tòa án và UBND xã Đ biết để giải quyết số tiền anh H2 đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng theo quy định pháp luật nên bà không ký vào bất cứ giấy tờ gì. Sau khi trình bày quan điểm bà H không ký vào biên bản lấy lời khai.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Vân A, chị Trần Thị Hồng P và cháu Trần Thị Thu Tr vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ thể hiện: Bố mẹ các chị là ông Trần Văn H2, bà Trần Thị Q sinh được 4 người con là Trần Thị Vân A, Trần Thị Hồng P, Trần Thị H1 và Trần Thị Thu Tr. Ngoài những người con này, bố mẹ các chị không nhận nuôi người con nuôi nào. Ngày 16/11/2015, ông H2 và bà Q có gửi 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Thọ. Số tiền này được gửi bằng hai sổ tiết kiệm, một sổ số AA00001994544, một sổ số AA00001994545, mỗi sổ gửi 50.000.000đ đều đứng tên người gửi là Trần Văn H2. Ngày 23/11/2015 ông H2 chết nên toàn bộ số tiền gốc và lãi gửi tiết kiệm tại Ngân hàng chưa rút ra. Nay bà Trần Thị Q khởi kiện chia di sản thừa kế là số tiền 50.000.000đ trong tổng số tiền 100.000.000đ mà ông H2, bà Q gửi tiết kiệm tại Ngân hàng thì các chị nhất trí. Trước khi chết, ông H2

không để lại di chúc để định đoạt số tiền này nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Các chị đồng ý ủy quyền cho bà Trần Thị Q là người đại diện cho các chị đến Ngân hàng rút khoản tiền này sau đó về thanh toán cho các chị số tiền được hưởng thừa kế.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị H1 đại diện theo ủy quyền của chị A, chị P, chị Tr trình bày thống nhất quan điểm của những người ủy quyền đã có lời khai như trên và giữ nguyên quan điểm không thay đổi.

Ông Phạm Ngọc T là người đại diện ủy quyền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trình bày: Ngày 16/11/2015, anh Trần Văn H2 có gửi tiết kiệm 100.000.000đ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Thọ. Số tiền này được gửi bằng hai sổ tiết kiệm, một sổ số AA00001994544, một sổ số AA00001994545, mỗi sổ gửi 50.000.000đ đều đứng tên người gửi là Trần Văn H2. Thời hạn gửi là 12 tháng kể từ ngày 16/11/2015. Từ ngày anh H gửi tiết kiệm tính đến ngày 07/02/2018 số tiền lãi của 100.000.000đ là 12.968.000đ. Từ ngày anh H2 gửi tiền đến nay anh H2 chưa rút khoản tiền gốc và tiền lãi lần nào. Nay anh H2 chết, chị Q khởi kiện chia di sản thừa kế là số tiền 50.000.000đ trong tổng số tiền 100.000.000đ hiện anh H2 đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng và tiền lãi phát sinh, Ngân hàng nhất trí chi trả cho những người được hưởng thừa kế số tiền này của anh H2. Đề nghị Tòa án cử một người đại diện trong số những người được hưởng thừa kế trực tiếp lĩnh tiền từ hai sổ tiết kiệm sau đó phân chia cho những người được hưởng thừa kế của anh H2.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký ghi biên bản phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và những người tham gia tố tụng là nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn không tuân thủ các quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 609, Điều 613, Điều 614, Điều 618, Điều 623, Điều 650, Điều 651, Điều 658 660 và khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q về việc yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế là số tiền 50.000.000đ trong số tiền 100.000.000đ anh H2 gửi tiết kiệm tại Ngân hàng; Về án phí: Các đương sự phải chịu đối với phần di sản thừa kế mà mình được hưởng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét thấy bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa lần

hai; Ông Phạm Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung yêu cầu chia di sản thừa kế: Bị đơn bà Nguyễn Thị H cho rằng anh H2 có tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng như thế nào thì bà không biết, còn nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất ngày 16/11/2015, anh Trần Văn H2 có gửi tiết kiệm 100.000.000đ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Thọ; số tiền này gửi bằng hai sổ tiết kiệm, một sổ số AA00001994544, một sổ số AA00001994545, mỗi một sổ gửi 50.000.000đ đều đứng tên người gửi là Trần Văn H2. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định ngày 16/11/2015, anh Trần Văn H2 có gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Thọ số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Đối với khoản tiền lãi của từng sổ tiết kiệm tính từ ngày gửi 16/11/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 07/02/2018 là: 6.484.000đ. Tổng lãi của cả hai sổ tiết kiệm là: 12.968.000đ. Tổng cả gốc và lãi của cả hai sổ là: 112. 968.000đ (Một trăm mười hai triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Xét thấy số tiền trên là tài sản chung của anh Trần Văn H2 và chị Trần Thị Q, nên xác định di sản thừa kế do anh H để lại là $\frac{1}{2}$ số tiền trên tổng số tiền gốc và lãi gửi tại ngân hàng là: $112.968.000đ : 2 = 56.484.000đ$ (Năm mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn đồng).

Về thời hiệu thừa kế: Xét thấy anh H2 chết năm 2015. Căn cứ vào khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự thì thời hiệu thừa kế vẫn còn.

Khi anh H2 còn sống, không để lại di chúc để định đoạt số tiền này. Vì vậy, số tiền của anh H2 được chia theo pháp luật là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 650 BLDS.

Khi chia di sản thừa kế cần xem xét đến những người được hưởng di sản thừa kế có ai là người không được quyền hưởng di sản thừa kế của anh H: Xét thấy bố đẻ anh H2 là ông R chết năm 1987, còn mẹ đẻ anh H2 là bà H hiện đang sinh sống tại Khu 10, xã Đ; Anh H2 có vợ là chị Trần Thị Q; Anh H2 và chị Quang sinh được 04 người con là Trần Thị Vân A, Trần Thị Hồng P, Trần Thị H1 và Trần Thị Thu Tr; Anh H2 không nhận người nào làm con nuôi; mối quan hệ thừa kế giữa con riêng và bố dượng là không có. Theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự thì những người được hưởng di sản thừa kế của anh H2 thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà H, chị Q, chị A, chị P, chị H1 và cháu Tr. Trong số những người được hưởng thừa kế thì không có ai là người không được quyền hưởng di sản thừa kế của anh H2.

Về nghĩa vụ tài sản của anh H2 và các khoản chi phí liên quan đến thừa kế: Xét thấy anh H2 khi còn sống không nợ những khoản tiền thuế; không phải trả tiền công lao động, tiền bồi thường thiệt hại; không phải trả nợ cá nhân, pháp nhân; không phải nộp tiền phạt đối với Nhà nước và các chi phí khác. Mặc dù anh H2 khi còn sống phải cấp dưỡng nuôi cháu Tr nhưng nay cháu Tr được hưởng một phần di

sản thừa kế của anh H2, tại phiên tòa chị H1 là người đại diện cho cháu Tr đề nghị không trích một phần di sản này để cấp dưỡng nuôi cháu Tr. Vì vậy, không phải trích một phần di sản này để chi trả các nghĩa vụ tài sản và cấp dưỡng nuôi cháu Tr.

Về chi phí cấp cứu và mai táng phí cho anh H2: Xét thấy trước và khi anh H2 chết thì chị Q là người chi phí cấp cứu cho anh H2 hết 5.000.000đ; chi mai táng phí cho anh H2 hết 10.000.000đ, mặc dù chị Q không xuất trình được hóa đơn nhưng đây là những khoản tiền chi phí thực tế và hợp lý nên cần trích một phần di sản này để chi trả cho chị Q là phù hợp.

Về công sức của người trông coi, quản lý di sản của anh H2: Xét thấy số tiền này hiện đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nên không ai có công sức gì. Vì vậy, không phải thanh toán tiền công sức cho ai.

Về thủ tục rút tiền tại Ngân hàng: Quan điểm của các đương sự đều thống nhất uỷ quyền cho chị Q được quyền đến Ngân hàng rút khoản tiền gốc và lãi từ hai sổ tiết kiệm số AA00001994544 và sổ tiết kiệm số AA00001994545 do anh H2 đứng tên gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Thọ ngày 16/11/2015. Xét thấy quan điểm của các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà H, chị Q, chị A, chị P, chị H1 và cháu Tr phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Xét thấy bà H là người già, hàng tháng đang được hưởng trợ cấp xã hội người cao tuổi là 270.000đ/tháng, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án miễn án phí cho bà H đối với phần di sản được hưởng, còn cháu Tr là trẻ em đang đi học và có đơn xin miễn giảm án phí nên miễn tiền án phí cho bà H và cháu Tr là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 609, Điều 613, Điều 614, khoản 1 Điều 623, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651, Điều 658 và Điều 357 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Q về yêu cầu chia di sản thừa kế là số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc trong số 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) hiện anh Trần Văn H2 đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Thọ và tiền lãi phát sinh là 6.484.000đ (Sáu triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng). Tổng là: 56.484.000đ (Năm mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng). Sau khi trừ đi các khoản chi phí cấp cứu, mai táng cho anh H2 là: 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), số tiền còn lại là: 56.484.000đ - 15.000.000đ = 41.484.000đ (Bốn mươi một triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn

đồng) chia cho 6 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Nguyễn Thị H; Chị Trần Thị Q; Chị Trần Thị Vân A; Chị Trần Thị Hồng P; Chị Trần Thị H1; Cháu Trần Thị Thu Tr. Mỗi người được hưởng là: $41.484.000đ : 6 = 6.914.000đ$ (Sáu triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng).

Chị Trần Thị Q được quyền đến Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Thọ để làm thủ tục rút số tiền gốc theo 02 sổ tiết kiệm số AA00001994544 và sổ tiết kiệm số AA00001994545, tổng là 100.000.000đ cùng với lãi của 02 sổ tiết kiệm trên tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/02/2018 là: 12.968.000đ. Tổng cả gốc và lãi là: 112.968.000đ (Một trăm mười hai triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng) hai sổ tiết kiệm trên gửi ngày 16/11/2015 đứng tên Trần Văn H2.

Chị Trần Thị Q có trách nhiệm thanh toán phần di sản thừa kế cho những người được hưởng cụ thể như sau:

1/ Bà Nguyễn Thị H: 6.914.000đ (Sáu triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng);

2/ Chị Trần Thị Vân A: 6.914.000đ (Sáu triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng);

3/ Chị Trần Thị Hồng P: 6.914.000đ (Sáu triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng);

4/ Chị Trần Thị H1: 6.914.000đ (Sáu triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng);

5/ Cháu Trần Thị Thu Tr: 6.914.000đ (Sáu triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng).

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền mà bên được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, thì bên có nghĩa vụ còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí:

1/ Buộc chị Trần Thị Q phải chịu 345.700đ (Ba trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0002976 ngày 19/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Chị Quang được hoàn trả số tiền chênh lệch là 904.300đ (Chín trăm linh bốn nghìn ba trăm đồng).

2/ Buộc chị Trần Thị Vân A, chị Trần Thị Hồng P, chị Trần Thị H1 mỗi người phải chịu 345.700đ (Ba trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị H và cháu Trần Thị Thu Tr.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- Thi hành án DS huyện TT;
- Lưu HS+ AV.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Thị Hồng